

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÒ HỘP HẠ LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo soát xét của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (Mẫu số B 01a - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ (Mẫu số B 02a - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (Mẫu số B 03a - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Mẫu số B 09a - DN)	9

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0200344752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 5 tháng 3 năm 1999. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 12) ngày 23 tháng 6 năm 2021.

Hội đồng Quản trị

Ông Kek Chin Ann	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Ông Mai Xuân Phong	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên (miễn nhiệm Chủ tịch và bổ nhiệm thành viên ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Ông Wilson Cheah Hui Pin	Thành viên
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Ông Phạm Hữu Quý Lâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Ông Trần Hoàng Lâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Hải Yến	Trưởng ban
Bà Lã Thị Quy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Bà Mai Thị Mai Hoa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Ông Trần Phước Thái	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)

Ban Giám đốc

Ông Trương Sỹ Toàn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Ông Kek Chin Ann	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Bà Phạm Thị Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2021)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Kek Chin Ann	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Ông Bùi Quốc Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)

Trụ sở chính Số 71, Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng, Việt Nam

Công ty kiểm toán Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Người đại diện theo pháp luật được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 40. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



[Handwritten signature in blue ink]

Kek Chin Ann
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Người đại diện theo pháp luật

Hải Phòng, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 13 tháng 8 năm 2021



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2021 và được Người đại diện theo pháp luật của Công ty phê chuẩn ngày 13 tháng 8 năm 2021. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến thuyết minh 2.16 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho thấy tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty không ghi nhận dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động với số tiền là 6.260.311.200 Đồng do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0298-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HAN 2862
Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		193.722.867.803	212.850.906.411
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.302.806.921	5.380.711.054
111	Tiền		4.302.806.921	5.380.711.054
112	Các khoản tương đương tiền		-	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		35.961.482.766	30.886.202.907
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5(a)	34.802.030.001	29.279.847.320
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.926.769.366	2.961.534.740
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	7.475.450.452	7.080.876.864
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(8.242.767.053)	(8.436.056.017)
140	Hàng tồn kho	9	149.546.627.699	174.915.409.710
141	Hàng tồn kho		150.382.966.229	176.008.638.543
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(836.338.530)	(1.093.228.833)
150	Tài sản ngắn hạn khác		3.911.950.417	1.668.582.740
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	2.824.954.068	527.221.742
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	14(a)	195.716.568	-
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14(a)	891.279.781	1.141.360.998
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		61.095.250.624	64.291.131.260
210	Các khoản phải thu dài hạn		2.369.700.883	2.237.079.473
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	5(b)	793.617.591	1.587.235.181
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	1.576.083.292	649.844.292
220	Tài sản cố định		40.141.983.977	37.037.300.641
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	26.985.782.627	23.639.242.231
222	Nguyên giá		112.095.212.520	106.490.316.055
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(85.109.429.893)	(82.851.073.824)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	13.156.201.350	13.398.058.410
228	Nguyên giá		14.134.262.202	14.134.262.202
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(978.060.852)	(736.203.792)
240	Tài sản dở dang dài hạn		-	6.617.163.883
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	-	6.617.163.883
250	Đầu tư tài chính dài hạn		15.110.926.449	15.110.926.449
251	Đầu tư vào công ty con	4	15.110.926.449	15.110.926.449
260	Tài sản dài hạn khác		3.472.639.315	3.288.660.814
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	3.472.639.315	3.288.660.814
270	TỔNG TÀI SẢN		254.818.118.427	277.142.037.671

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		160.798.659.011	170.965.804.713
310	Nợ ngắn hạn		154.131.530.445	165.685.581.637
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	48.740.375.334	73.588.005.125
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.165.214.262	777.802.063
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14(b)	9.349.591.942	8.112.041.224
314	Phải trả người lao động		658.148.536	819.680.602
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	8.302.654.800	7.313.697.785
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	9.600.288.113	1.611.400.435
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17(a)	72.016.886.482	69.870.943.427
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	4.298.370.976	3.592.010.976
330	Nợ dài hạn		6.667.128.566	5.280.223.076
337	Phải trả dài hạn khác		372.500.163	282.500.163
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17(b)	2.343.559.000	1.139.569.000
342	Dự phòng phải trả dài hạn	19	3.951.069.403	3.858.153.913
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		94.019.459.416	106.176.232.958
410	Vốn chủ sở hữu		94.019.459.416	106.176.232.958
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20,21	50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	15.753.387.350	15.753.387.350
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	29.020.260.148	29.020.260.148
421	(Lỗ sau thuế lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	(754.188.082)	11.402.585.460
421a	- LNST chưa phân phối/(Lỗ sau thuế) lũy kế của các năm trước		152.585.460	(50.887.809)
421b	- (Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ/năm nay		(906.773.542)	11.453.473.269
440	TỔNG NGUỒN VỐN		254.818.118.427	277.142.037.671



Bùi Thị Hương
Người lập/Kế toán trưởng



Kek Chin Ann
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2021 VND	30.6.2020 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	223.957.190.658	257.924.308.971
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(5.590.946.256)	(1.879.250.444)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24 218.366.244.402	256.045.058.527
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25 (168.314.203.454)	(191.436.571.652)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.052.040.948	64.608.486.875
21	Doanh thu hoạt động tài chính	8.065.269	46.764.872
22	Chi phí tài chính	26 (2.428.023.449)	(1.980.913.070)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay	(2.206.133.643)	(1.715.057.898)
25	Chi phí bán hàng	27 (38.723.602.024)	(41.002.862.134)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28 (10.119.288.862)	(10.288.549.169)
30	(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.210.808.118)	11.382.927.374
31	Thu nhập khác	509.200.768	41.984.271
32	Chi phí khác	(64.402.573)	(45.902.482)
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác	444.798.195	(3.918.211)
50	Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(766.009.923)	11.379.009.163
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành	29 (140.763.619)	(2.607.957.539)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29 -	-
60	(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(906.773.542)	8.771.051.624



Bùi Thị Hương
Người lập/Kế toán trưởng



Kek Chin Ann
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2021 VND	30.6.2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	(Lỗ)/ lợi nhuận kế toán trước thuế	(766.009.923)	11.379.009.163
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định	2.500.213.129	2.242.966.950
03	Các khoản dự phòng	(357.263.777)	4.283.609
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(2.388.153)	(28.218.387)
06	Chi phí lãi vay	2.206.133.643	1.715.057.898
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	3.580.684.919	15.313.099.233
09	Tăng các khoản phải thu	(3.297.433.638)	(4.121.508.353)
10	Giảm hàng tồn kho	25.625.672.314	2.153.742.944
11	Giảm các khoản phải trả	(21.603.521.199)	(15.197.275.956)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(2.481.710.827)	451.072.559
14	Tiền lãi vay đã trả	(2.210.034.825)	(1.715.057.898)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.393.335.485)	(800.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.779.678.741)	(3.915.927.471)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(650.546.600)	(10.815.906.730)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.388.153	28.218.387
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(648.158.447)	(10.787.688.343)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu đi vay	153.928.823.045	177.981.167.706
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(150.578.889.990)	(168.111.697.239)
36	Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	3.349.933.055	9.869.470.467
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(1.077.904.133)	(4.834.145.347)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	5.380.711.054	10.808.391.669
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4.302.806.921	5.974.246.322



Bùi Thị Hương
Người lập/Kế toán trưởng



Kek Chin Ann
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200344752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 5 tháng 3 năm 1999. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi gần nhất (lần thứ 12) ngày 23 tháng 6 năm 2021.

Chủ sở hữu của Công ty bao gồm các cổ đông nắm giữ cổ phiếu của Công ty. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 20.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: sản xuất, chế biến, đóng hộp, phân phối và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 21/2017/NQ-HĐQT, số 22/2017/NQ-HĐQT và số 27/2017/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 10 năm 2017, Ban Lãnh đạo đã quyết định đóng cửa ba chi nhánh:

- Chi nhánh tại TP Đà Nẵng, địa chỉ tại 150 Đống Đa, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;
- Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh, địa chỉ tại số 30 Lý Long Tường, Khu phố Mỹ Quang – H30, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- Chi nhánh tại TP Hà Nội, địa chỉ tại số 80B Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các thủ tục đóng cửa chi nhánh tại TP Hà Nội và TP Đà Nẵng đã hoàn thành. Các thủ tục đóng cửa chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh vẫn đang được tiến hành.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có hai Công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng	Chế biến, bảo quản cá và các sản phẩm từ cá, thịt và các sản phẩm từ thịt, rau củ quả, sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và các mặt hàng thủy hải sản.	Lô C3-4, C3-5, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	100%	100%
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Dịch vụ chăm sóc trẻ và giáo dục mầm non	Số 69, Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng, Việt Nam.	100%	100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 612 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 545 nhân viên).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty và các công ty con ("Tập đoàn"). Trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán 6 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu, và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính và thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên). Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Người đại diện theo pháp luật thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp nếu ngắn hơn. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6% - 33%
Máy móc thiết bị	8% - 50%
Phương tiện vận tải	10% - 50%
Thiết bị văn phòng	14% - 50%
Phần mềm	20%

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản cố định và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.10 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Công ty đã không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 cần phải lập là 6.260.311.200 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 6.653.768.550 Đồng).

2.17 Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo nguyên tắc được trình bày tại Thuyết minh 2.15 và các quy định hiện hành có liên quan.

Số dự của khoản dự phòng này được xác định bằng giá trị hiện tại của tổng ước tính chi phí cần thiết để hoàn tất nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê. Giá trị dự phòng tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính của kỳ báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.19 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(a) Doanh thu bán hàng (tiếp theo)**

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản dưới hình thức thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian cho thuê đã thực hiện.

(d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.22 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.24 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty.

2.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong kỳ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.27 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Người đại diện theo pháp luật phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định (Thuyết minh 2.9);
- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 8);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 9); và
- Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng (Thuyết minh 2.17 và 19).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Người đại diện theo pháp luật đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Tiền mặt	142.316.681	819.093.648
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.160.490.240	4.561.617.406
	<u>4.302.806.921</u>	<u>5.380.711.054</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

Mẫu số B 09a - DN

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công ty con

	30.6.2021		31.12.2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
				Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng (Thuyết minh 31(b))	15.000.000.000	(*)	-	15.000.000.000 (*)
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (Thuyết minh 31(b))	110.926.449	(*)	-	110.926.449 (*)
	<u>15.110.926.449</u>		<u>-</u>	<u>15.110.926.449</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

(a) Ngắn hạn

	30.6.2021	31.12.2020
	VND	VND
Bên thứ ba	34.008.412.411	28.486.229.730
Bên liên quan (Thuyết minh 5(b) và 31(b))	793.617.590	793.617.590
	<u>34.802.030.001</u>	<u>29.279.847.320</u>
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 8)	(979.791.235)	(1.172.580.199)
	<u>33.822.238.766</u>	<u>28.107.267.121</u>

Chi tiết cho những khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải thu của khách hàng như sau:

	30.6.2021	31.12.2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	4.827.542.813	4.476.207.362
Công ty Cổ phần Phở Việt	4,525,665,330	603,214,700
Công ty CP Thương mại Bách Hóa Xanh	3.935.411.886	1.768.437.822
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phở Việt tại Hà Nội	3,654,312,000	8,756,448,800
Công ty TNHH Dịch vụ EB	3.506.177.481	2.744.560.118

(b) Dài hạn

	Kỳ 6 tháng kết thúc	Năm kết thúc
	30.6.2021	31.12.2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.587.235.181	2.380.852.771
Chuyển sang phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh 5(a))	(793.617.590)	(793.617.590)
	<u>793.617.591</u>	<u>1.587.235.181</u>

(*) Đây là khoản phải thu Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng, công ty con, liên quan đến việc bán máy móc thiết bị theo hợp đồng số 877-HĐMB/ĐHHL/2012 ngày 1 tháng 9 năm 2012 với giá trị 8.994.332.688 Đồng và được thanh toán trong 12 kỳ thanh toán, bắt đầu từ ngày 1 tháng 9 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Bên thứ ba	1.925.100.780	2.961.534.740
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	1.668.586	-
	<u>1.926.769.366</u>	<u>2.961.534.740</u>
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 8)	(775.733.588)	(775.733.588)
	<u>1.151.035.778</u>	<u>2.185.801.152</u>

Chi tiết cho những nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Công ty TNHH Chế biến & Xuất khẩu Thủy sản Cam Ranh	603.000.000	-
Công ty CP Truyền thông và Công nghệ Mix Digital	121.423.000	505.765.200
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vifoco	-	1.000.000.000
	<u>724.423.000</u>	<u>1.505.765.200</u>

7 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Phải thu từ các cá nhân liên quan đến thuế GTGT (*)	5.458.254.250	5.458.254.250
Tạm ứng công tác phí và chi phí tiếp khách	124.873.581	77.717.717
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	632.178.924	182.178.924
Các khoản khác	1.260.143.697	1.362.725.973
	<u>7.475.450.452</u>	<u>7.080.876.864</u>
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 8)	(6.487.242.230)	(6.487.742.230)
Trong đó:		
- Dự phòng cho khoản phải thu từ các cá nhân liên quan đến thuế GTGT (*)	(5.458.254.250)	(5.458.254.250)
- Dự phòng cho khoản phải thu khác	(1.028.987.980)	(1.029.487.980)
	<u>988.208.222</u>	<u>593.134.634</u>

(*) Phải thu từ các cá nhân và dự phòng tương ứng liên quan đến thuế GTGT phải nộp Nhà nước là 5.458.254.250 Đồng được ghi nhận phù hợp với bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 tháng 1 và 13 tháng 1 năm 2005 do Tòa án Nhân dân Tối cao – Tòa Phúc thẩm tại Hà Nội ban hành (Thuyết minh 14).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**
7 PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)**(b) Dài hạn**

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Bên thứ ba	949.844.292	649.844.292
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b)) (*)	626.239.000	-
	<u>1.576.083.292</u>	<u>649.844.292</u>

(*) Đây là khoản phải thu từ Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long liên quan đến khoản trả hộ cho công trình xây dựng trường của Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long theo Quyết định Bàn giao số 111/2021/QĐ-ĐHHL ngày 30 tháng 6 năm 2021 với giá trị 1.876.239.000 Đồng (bao gồm thuế GTGT) và được thanh toán trong 24 kỳ thanh toán, bắt đầu từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 8 năm 2023 (Thuyết minh 12).

8 NỢ KHÓ ĐÒI

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi được trình bày như sau:

	30.6.2021		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán cần lập dự phòng:			
i) Phải thu khách hàng	14.361.152.734	13.381.361.499	979.791.235
ii) Trả trước cho người bán	842.434.338	66.700.750	775.733.588
iii) Phải thu ngắn hạn khác	6.607.484.430	120.242.200	6.487.242.230
	<u>21.811.071.502</u>	<u>13.568.304.449</u>	<u>8.242.767.053</u>
	31.12.2020		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán cần lập dự phòng:			
i) Phải thu khách hàng	9.402.923.187	8.230.342.988	1.172.580.199
ii) Trả trước cho người bán	800.284.338	24.550.750	775.733.588
iii) Phải thu ngắn hạn khác	6.487.742.230	-	6.487.742.230
	<u>16.690.949.755</u>	<u>8.254.893.738</u>	<u>8.436.056.017</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

8 NỢ KHÓ ĐÒI (TIẾP THEO)

Biến động về dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc 30.6.2021 VND	Năm kết thúc 31.12.2020 VND
Số dư đầu kỳ/năm	8.436.056.017	8.524.687.898
Tăng dự phòng	117.343.234	533.903.200
Hoàn nhập dự phòng	(310.632.198)	-
Xóa sổ khoản phải thu khách hàng	-	(622.535.081)
	<u>8.242.767.053</u>	<u>8.436.056.017</u>

9 HÀNG TỒN KHO

	30.6.2021		31.12.2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.957.165.675	-	-	-
Nguyên vật liệu	86.418.594.734	(691.598.705)	105.893.140.657	(433.720.621)
Công cụ, dụng cụ	2.463.119.112	(133.560.778)	1.909.191.138	(342.577.814)
Chi phí SXKD dở dang	5.718.729.513	-	1.808.889.470	-
Thành phẩm	39.354.825.785	(301.290)	42.393.290.100	(316.930.398)
Hàng hóa	14.470.531.410	(10.877.757)	24.004.127.178	-
	<u>150.382.966.229</u>	<u>(836.338.530)</u>	<u>176.008.638.543</u>	<u>(1.093.228.833)</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(836.338.530)		(1.093.228.833)	
	<u>149.546.627.699</u>		<u>174.915.409.710</u>	

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc 30.6.2021 VND	Năm kết thúc 31.12.2020 VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.093.228.833	1.093.503.089
Hoàn nhập dự phòng	(256.890.303)	(274.256)
	<u>836.338.530</u>	<u>1.093.228.833</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Ngắn hạn**

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Chi phí mua bảo hiểm	256.347.952	59.388.432
Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng	22.193.551	28.392.221
Khác	2.546.412.565	439.441.089
	<u>2.824.954.068</u>	<u>527.221.742</u>

(b) Dài hạn

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng	2.604.572.590	2.678.970.466
Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng	356.886.163	377.274.137
Khác	511.180.562	232.416.211
	<u>3.472.639.315</u>	<u>3.288.660.814</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

Mẫu số B 09a - DN

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	34.635.241.384	66.067.187.255	3.451.036.396	2.336.851.020	106.490.316.055
Mua trong kỳ	234.959.500	446.850.000	-	-	681.809.500
Chuyển sang từ xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 12)	-	4.923.086.965	-	-	4.923.086.965
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	34.870.200.884	71.437.124.220	3.451.036.396	2.336.851.020	112.095.212.520
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(32.630.897.409)	(44.665.528.182)	(3.217.797.213)	(2.336.851.020)	(82.851.073.824)
Khấu hao trong kỳ	(199.961.780)	(1.997.549.291)	(60.844.998)	-	(2.258.356.069)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	(32.830.859.189)	(46.663.077.473)	(3.278.642.211)	(2.336.851.020)	(85.109.429.893)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	2.004.343.975	21.401.659.073	233.239.183	-	23.639.242.231
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	2.039.341.695	24.774.046.747	172.394.185	-	26.985.782.627

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã khấu hao hết là 59.294.379.337 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 59.333.796.977 Đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 14.680.778.606 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 14.447.524.686 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	11.987.672.202	2.146.590.000	14.134.262.202
Mua trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	11.987.672.202	2.146.590.000	14.134.262.202
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	-	(736.203.792)	(736.203.792)
Khấu hao trong kỳ	-	(241.857.060)	(241.857.060)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	-	(978.060.852)	(978.060.852)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	11.987.672.202	1.410.386.208	13.398.058.410
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	11.987.672.202	1.168.529.148	13.156.201.350

(*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định với mục đích ban đầu để xây dựng nhà máy, bao gồm:

- i) Quyền sử dụng đất cho lô đất có diện tích 10.306 m² tại lô C3-4 và C3-5 thuộc khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng với giá trị ghi sổ là 11.258.672.202 Đồng;
- ii) Quyền sử dụng đất cho lô đất có diện tích 290,7 m² tại thửa số 1 địa chỉ số 43/1 đường Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với giá trị ghi sổ là 729.000.000 Đồng.

Ngày 20 tháng 7 năm 2016, Công ty đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 77/2016/VCB ĐN với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng, thế chấp quyền sử dụng lô đất tại Đà Nẵng (giá trị ghi sổ là 11.258.672.202 Đồng) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng, công ty con, với Ngân hàng.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, Công ty đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.2019/HĐTC-CAN với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Nam Hải Phòng, thế chấp quyền sử dụng lô đất tại Nha Trang (giá trị ghi sổ là 729.000.000 Đồng) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty với Ngân hàng (Thuyết minh 17).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biên động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc 30.6.2021 VND	Năm kết thúc 31.12.2020 VND
Số dư đầu kỳ/năm	6.617.163.883	45.500.000
Tăng	133.065.900	7.483.795.083
Phân loại lại sang thuế GTGT được khấu trừ	(121.471.000)	-
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(4.923.086.965)	(912.131.200)
Chuyển sang Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (Thuyết minh 31(a)) (*)	(1.705.671.818)	-
Số dư cuối kỳ/năm	-	6.617.163.883

(*) Đây là khoản trả hộ liên quan đến công trình xây dựng cho Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long. Công trình hoàn thành vào ngày 21 tháng 11 năm 2020 theo Biên bản bàn giao số 03/NT QT và chuyển thành TSCĐ của Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long theo Quyết định Bàn giao số 111/2021/QĐ-ĐHHL ngày 30 tháng 6 năm 2021.

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Bên thứ ba	48.740.375.334	71.208.436.945
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	-	2.379.568.180
	48.740.375.334	73.588.005.125

Chi tiết cho những nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả người bán ngắn hạn như sau:

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long	30.441.776.290	54.403.016.970
Công ty TNHH Xuân Việt	7.307.533.728	6.730.858.618

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/(PHẢI NỢP) NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/(phải nộp) Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số thực nộp trong kỳ VND	Phân loại lại/ cán trừ VND	Tại ngày 30.6.2021 VND
(a) Phải thu					
Thuế GTGT đầu vào	-	8.672.017.825	-	(8.476.301.257)	195.716.568
Tiền thuế đất (*)	1.141.360.998	(518.447.002)	-	-	622.913.996
Thuế đất	-	-	-	50.932.000	50.932.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	217.433.785	217.433.785
	<u>1.141.360.998</u>	<u>8.153.570.823</u>	<u>-</u>	<u>(8.207.935.472)</u>	<u>1.086.996.349</u>
(b) Phải nộp					
Thuế GTGT hàng bán nội địa (**)	3.287.220.691	14.230.108.347	(969.634.014)	(8.476.301.257)	8.071.393.767
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.035.138.081	140.763.619	(3.393.335.485)	217.433.785	-
Thuế thu nhập cá nhân	151.800.714	886.284.496	(729.514.523)	-	308.570.687
Thuế nhà đất	-	50.932.000	(101.864.000)	50.932.000	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Thuế GTGT (***)	668.254.250	-	(668.254.250)	-	-
Phạt nộp chậm thuế GTGT	969.627.488	27.807.979	(27.807.979)	-	969.627.488
	<u>8.112.041.224</u>	<u>15.338.896.441</u>	<u>(5.893.410.251)</u>	<u>(8.207.935.472)</u>	<u>9.349.591.942</u>

(*) Vào ngày 24 tháng 7 năm 2019, Công ty đã nhận một thông báo đánh giá lại một nghĩa vụ thuế của mình, theo đó, số tiền thuế đất Công ty đã nộp thừa là 2.493.831.000 Đồng. Công ty sẽ được cán trừ số tiền nộp thừa cho nghĩa vụ thuế tương ứng trong tương lai.

(**) Theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2021, thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng cho quý 1 và quý 2 năm 2021 (ngoại trừ thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu), và thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của quý 1 và quý 2 năm 2021 được gia hạn thêm 5 tháng kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

(***) Khoản mục này phản ánh số thuế GTGT còn phải nộp Nhà nước theo bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005 do Tòa án Nhân dân Tối cao – Tòa Phúc thẩm tại Hà Nội ban hành (Thuyết minh 7). Trong kỳ, Công ty đã trả 668.254.250 Đồng cho cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	4.404.457.578	2.584.549.933
Chi phí thưởng cho nhân viên	1.609.281.632	2.288.227.829
Khác	2.288.915.590	2.440.920.023
	<u>8.302.654.800</u>	<u>7.313.697.785</u>

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 31(b))	9.073.094.250	73.094.250
Phải trả Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (Thuyết minh 31(b))	-	837.613.500
Kinh phí công đoàn	299.385.025	291.009.744
Khác	227.808.838	409.682.941
	<u>9.600.288.113</u>	<u>1.611.400.435</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

Mẫu số B 09a - DN

17 VAY

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Giải ngân VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Thanh toán VND	Tại ngày 30.6.2021 VND
(a) Ngắn hạn (*)					
Vay ngân hàng - ngắn hạn	69.111.343.427	150.395.769.045	-	(149.711.773.990)	69.795.338.482
Vay ngân hàng - dài hạn đến hạn trả	759.600.000	-	2.329.064.000	(867.116.000)	2.221.548.000
(b) Dài hạn					
Vay ngân hàng (*)	1.139.569.000	3.533.054.000	(2.329.064.000)	-	2.343.559.000

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, số dư các khoản vay của Công ty bao gồm:

Bên cho vay và hợp đồng vay	Số dư tại 30.6.2021 VND	Thời hạn hoàn trả gốc và lãi vay	Lãi suất	Mục đích khoản vay	Hình thức bảo đảm
(i) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng	29.895.470.255	Gốc vay trả trong vòng 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5%/năm	Tài trợ vốn lưu động	Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Thuyết minh 11(a) và 11(b))
Hợp đồng vay đề tháng 4 năm 2021					



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

Mẫu số B 09a - DN

17 VAY (TIẾP THEO)

Bên cho vay và hợp đồng vay	Số dư tại 30.6.2021 VND	Thời hạn hoàn trả gốc và lãi vay	Lãi suất	Mục đích khoản vay	Hình thức bảo đảm
(ii) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Hợp đồng vay đề ngày 10 tháng 8 năm 2020 và sửa đổi đề ngày 12 tháng 4 năm 2021	29.945.870.427	Gốc vay trả trong vòng 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5%/năm	Tài trợ vốn lưu động	Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11(a)) và quyền sử dụng đất tại 71 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
(iii) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Hợp đồng vay đề ngày 6 tháng 7 năm 2020	4.565.107.000	Gốc vay trả hàng tháng trong vòng 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay trả hàng tháng.	Năm đầu: 8%/năm Các năm tiếp theo: Lãi suất thả nổi	Tài trợ vốn lưu động	Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11(a))
(iv) Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam Hợp đồng vay đề ngày 24 tháng 12 năm 2020	9.953.997.800	Gốc vay trả trong vòng 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay trả hàng tháng.	6,3%/năm	Tài trợ vốn lưu động	Không đảm bảo

74.360.445.482

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc 30.6.2021 VND	Năm kết thúc 31.12.2020 VND
Số dư đầu kỳ/năm	3.592.010.976	2.885.210.976
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	750.000.000	750.000.000
Sử dụng quỹ trong kỳ/năm	(43.640.000)	(43.200.000)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>4.298.370.976</u>	<u>3.592.010.976</u>

19 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Dự phòng khôi phục và hoàn trả mặt bằng (*)	<u>3.951.069.403</u>	<u>3.858.153.913</u>

(*) Đây là khoản dự phòng chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng cho khu đất thuê của Công ty khi kết thúc thời hạn thuê tại số 71, Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam theo Hợp đồng thuê đất số 11/HĐ/TĐ ký ngày 15 tháng 3 năm 1999 giữa Công ty và Sở Địa chính Thành phố Hải Phòng, theo đó Công ty có nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn hợp đồng thuê. Việc thu dọn bao gồm tháo dỡ các tài sản của Công ty trên khu đất nêu trên và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**
19 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Biến động dự phòng phải trả trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc 30.6.2021 VND	Năm kết thúc 1.12.2020 VND
Số dư đầu kỳ/năm	3.858.153.913	3.672.322.933
Lãi suất	92.915.490	185.830.980
Số dư cuối kỳ/năm	<u>3.951.069.403</u>	<u>3.858.153.913</u>

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU
(a) Số lượng cổ phiếu

	30.6.2021 Cổ phiếu phổ thông	31.12.2020 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>5.000.000</u>	<u>5.000.000</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.6.2021		31.12.2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn nhà nước	1.387.360	27,75	1.387.360	27,75
Phần vốn của các đối tượng khác	3.612.640	72,25	3.612.640	72,25
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>5.000.000</u>	<u>100</u>	<u>5.000.000</u>	<u>100</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>5.000.000</u>	<u>50.000.000.000</u>	<u>50.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

Mẫu số B 09a - DN

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	6.449.112.191	101.222.759.689
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	11.453.473.269	11.453.473.269
Chia cổ tức	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Khác	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	11.402.585.460	106.176.232.958
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(906.773.542)	(906.773.542)
Chia cổ tức (Thuyết minh 22) (*)	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Khác (*)	-	-	-	(2.250.000.000)	(2.250.000.000)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	(754.188.082)	94.019.459.416

(*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 6 năm 2021, LNST chưa phân phối tại 1 tháng 1 năm 2021 được sử dụng cho chia cổ tức với số tiền là 9.000.000.000 Đồng (Thuyết minh 22); trích 750.000.000 Đồng vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18); và thường 1.500.000.000 Đồng vượt chỉ tiêu lợi nhuận năm 2020 cho Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

22 CỔ TỨC

Cổ tức cổ phiếu thường đã công bố là 9.000.000.000 Đồng căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 6 năm 2021 là 18% mệnh giá cổ phiếu phổ thông (tương đương 1.800 Đồng trên một cổ phiếu phổ thông nắm giữ). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty vẫn chưa chi trả khoản cổ tức này cho các cổ đông.

23 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm bao gồm số ngoại tệ là 10 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10 Đô la Mỹ).

24 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 1.1.2021 đến 30.6.2021 VND	Từ 1.1.2020 đến 30.6.2020 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	185.997.306.374	199.426.308.252
Doanh thu bán hàng hóa	37.959.884.284	58.498.000.719
	<u>223.957.190.658</u>	<u>257.924.308.971</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(5.461.688.234)	(1.690.871.353)
Hàng bán trả lại	(129.258.022)	(188.379.091)
	<u>(5.590.946.256)</u>	<u>(1.879.250.444)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	180.406.360.118	197.547.057.808
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	37.959.884.284	58.498.000.719
	<u>218.366.244.402</u>	<u>256.045.058.527</u>

25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 1.1.2021 đến 30.6.2021 VND	Từ 1.1.2020 đến 30.6.2020 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	141.341.944.292	148.951.483.884
Giá vốn của hàng hóa đã bán	27.229.149.465	42.485.087.768
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(256.890.303)	-
	<u>168.314.203.454</u>	<u>191.436.571.652</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1.1.2021 đến 30.6.2021 VND	Từ 1.1.2020 đến 30.6.2020 VND
Lãi tiền vay	2.206.133.643	1.715.057.898
Chi phí tài chính khác	221.889.806	265.855.172
	<u>2.428.023.449</u>	<u>1.980.913.070</u>

27 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 1.1.2021 đến 30.6.2021 VND	Từ 1.1.2020 đến 30.6.2020 VND
Chi phí nhân viên	14.563.572.807	13.410.008.921
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	13.962.194.703	17.532.165.007
Chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa	5.493.047.267	5.816.162.938
Công tác phí	1.412.726.505	1.535.359.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	877.510.926	1.016.812.608
Chi phí quảng cáo, tiếp thị bán hàng	650.322.208	530.547.421
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.773.409	21.492.684
Chi phí khác	1.749.454.199	1.140.313.246
	<u>38.723.602.024</u>	<u>41.002.862.134</u>

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 1.1.2021 đến 30.6.2021 VND	Từ 1.1.2020 đến 30.6.2020 VND
Chi phí nhân viên	5.216.585.340	4.378.350.681
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	2.656.384.660	2.811.222.389
Thuế, phí và lệ phí	692.853.972	684.910.649
Công tác phí	400.546.330	593.309.006
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Hoàn nhập)/dự phòng nợ khó đòi	323.917.110 (193.288.964)	258.808.785 533.903.200
Chi phí khác	1.022.290.414	1.028.044.459
	<u>10.119.288.862</u>	<u>10.288.549.169</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

29 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% được thể hiện như sau:

	Từ 1.1.2021 đến 30.6.2021 VND	Từ 1.1.2020 đến 30.6.2020 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(766.009.923)	11.379.009.163
Thuế tính ở thuế suất 20%	(153.201.985)	2.275.801.833
Điều chỉnh:		
- Chi phí không được khấu trừ	365.418.359	152.023.321
- Chênh lệch tạm thời mà không được ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(71.452.755)	180.132.385
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	<u>140.763.619</u>	<u>2.607.957.539</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	140.763.619	2.607.957.539
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>140.763.619</u>	<u>2.607.957.539</u>

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong kỳ, nhưng không bao gồm giá mua hàng hóa liên quan tới hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Từ 1.1.2021 đến 30.6.2021 VND	Từ 1.1.2020 đến 30.6.2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	114.411.605.826	125.719.449.496
Chi phí nhân viên	40.642.803.781	39.275.889.940
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	13.962.194.703	17.532.165.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.432.519.068	7.197.384.732
Chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa	5.493.047.267	5.816.162.938
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.500.213.129	2.242.966.950
Công tác phí	1.813.272.835	2.128.668.315
Chi phí khác	4.787.082.947	4.536.791.525
	<u>191.042.739.556</u>	<u>204.449.478.903</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Từ 1.1.2021 đến 30.6.2021 VND	Từ 1.1.2020 đến 30.6.2020 VND
i) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng – Công ty con	15.225.734.000	36.005.323.360
ii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Kek Chin Ann	1.200.142.919	785.112.840
Phạm Thị Thu Nga	486.500.000	410.754.729
Bùi Quốc Hưng	271.536.753	64.814.814
Wilson Cheah Hui Pin	241.686.477	43.209.876
Mai Xuân Phong (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	227.556.782	56.172.840
Phạm Hữu Quý Lâm (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	219.673.899	43.209.876
Nguyễn Văn Bình (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	219.673.899	43.209.876
Trần Hoàng Lâm (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	219.673.899	43.209.876
Phạm Thị Hải Yến	194.150.000	-
Trần Phước Thái (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	132.833.333	25.000.002
Trương Sỹ Toàn (bổ nhiệm ngày 10.6.2021)	80.811.686	-
Mai Thị Mai Hoa (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	75.833.333	-
Nguyễn Thành Trung (bổ nhiệm ngày 10.6.2021)	24.213.836	-
Trần Hữu Hoàng (bổ nhiệm ngày 4.6.2021)	22.012.579	-
Lã Thị Quy (bổ nhiệm ngày 4.6.2021)	4.166.667	-
Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ (bổ nhiệm ngày 4.6.2021)	4.166.667	-
Đặng Quốc Việt (miễn nhiệm ngày 5.3.2020)	-	55.054.320
Ngô Văn Duy Nhất (miễn nhiệm ngày 6.5.2020)	-	16.666.668
	<u>3.624.632.729</u>	<u>1.586.415.717</u>
iii) Các hoạt động tài chính		
Chia cổ tức cho cổ đông:		
- Cổ đông thuộc nhà nước	2.497.248.000	1.387.360.000
- Các cổ đông khác	6.502.752.000	3.612.640.000
	<u>9.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>
iv) Thu hộ chi hộ (Thuyết minh 12)		
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long – Công ty con	1.705.671.818	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
i) Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 4)		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng	15.000.000.000	15.000.000.000
– Công ty con		
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	110.926.449	110.926.449
– Công ty con		
	<u>15.110.926.449</u>	<u>15.110.926.449</u>
ii) Phải thu của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
– Công ty con		
• Ngắn hạn (Thuyết minh 5(a))	793.617.590	793.617.590
• Dài hạn (Thuyết minh 5(b))	793.617.591	1.587.235.181
	<u>793.617.590</u>	<u>1.587.235.181</u>
iii) Phải thu khác (Thuyết minh 7)		
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long		
– Công ty con		
• Ngắn hạn (Thuyết minh 7(a))	632.178.924	182.178.924
• Dài hạn (Thuyết minh 7(b))	626.239.000	-
	<u>632.178.924</u>	<u>182.178.924</u>
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13)		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
– Công ty con	-	2.379.568.180
	<u>-</u>	<u>2.379.568.180</u>
v) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
– Công ty con	1.668.586	-
	<u>1.668.586</u>	<u>-</u>
vi) Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)		
Cổ đồng	9.073.094.250	73.094.250
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long		
– Công ty con	-	837.613.500
	<u>9.073.094.250</u>	<u>910.707.750</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

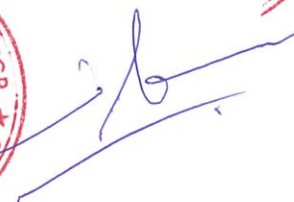
32 ẢNH HƯỞNG CỦA COVID-19

Sự lan rộng của dịch Covid-19 từ đầu năm 2020 là một khó khăn và thách thức đối với hoạt động của Công ty. Tại ngày ký báo cáo tài chính riêng này, Người đại diện theo pháp luật của Công ty đã thực hiện đánh giá về tác động của dịch Covid-19 đối với hoạt động của Công ty, trong đó bao gồm khả năng thu hồi giá trị ghi sổ của các tài sản, giá trị của các tài sản và nợ phải trả và kết luận rằng Công ty có khả năng hoạt động bình thường trong vòng 12 tháng tới, ngoại trừ ảnh hưởng của các sự kiện bất khả kháng, mệnh lệnh hành chính do chính quyền ban hành và các yếu tố kinh tế vĩ mô. Người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ tiếp tục theo dõi tình hình, có các hành động phù hợp và kịp thời để giảm thiểu tác động trong tương lai.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được Người đại diện theo pháp luật phê chuẩn ngày 13 tháng 8 năm 2021.



Bùi Thị Hương
Người lập/Kế toán trưởng



Kek Chin Ann
Chủ tịch Hội đồng Quản trị